

Số: /KH-UBND

Xuân Lương, ngày tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hành động giai đoạn 2026 - 2030 xã Xuân Lương thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Hành động giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Bắc Ninh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. Ủy ban nhân dân xã Xuân Lương xây dựng Kế hoạch Hành động giai đoạn 2026-2030 xã Xuân Lương thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền và Nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước trong việc tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể trong tổ chức, triển khai Chiến lược Dân số. Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế, từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần và chất lượng giống nòi; thích ứng chủ động với già hóa dân số, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Mục tiêu 1: Tiếp tục giảm sinh nhằm đưa mức sinh về mức sinh thay thế

+ Phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con); Quy mô dân số ước đạt 20.156 người;

+ Phấn đấu 95% trở lên phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản;

+ Giảm 70% số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Mục tiêu 2: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý

- + Tỷ số giới tính khi sinh về mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống;
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22,7%;
- + Tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11,6%.
- + Tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%;

- Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dân số

- + Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%;
- + Giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống;
- + Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất (bao gồm: Hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau và bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia) đạt 60%;
- + Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất (bao gồm: Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, bệnh thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh và bệnh tim bẩm sinh) đạt 80%;
- + Tuổi thọ bình quân đạt 75,5 tuổi.
- + Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm.

- Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng, vận hành và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã

- + 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn xã.
- + 80% dữ liệu chuyên ngành dân số được đưa vào sử dụng để xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

Mục tiêu 6. Phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm;

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản, an

toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

- Mục tiêu 7: Thích ứng với già hoá dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi

+ Đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi (NCT) đạt 50% vào năm 2030;

+ 100% NCT có thể bảo hiểm y tế, được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương

Tiếp tục quán triệt sâu sắc nội dung các Nghị quyết, Chương trình hành động của Trung ương, của tỉnh bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về chuyên trọng tâm chính sách dân số từ việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền.

Thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số.

Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về công tác dân số phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chỉ đạo của Trung ương. Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

2.1. Cung cấp thông tin cho cơ quan, đơn vị cùng phối hợp

Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình (DS, SKSS/KHHGD), đặc biệt là chính sách, pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, sức khỏe sinh sản tới các cấp uỷ, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng.

2.2. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng

Kết hợp truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh của xã với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên; nâng cao

chất lượng, số lượng các chương trình, tin, bài về DS, SKSS/KHHGD, sức khỏe tình dục và bình đẳng giới.

2.3. Nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp

Triển khai đa dạng, có hiệu quả các hoạt động truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục phù hợp đặc điểm của từng nhóm đối tượng, từng vùng. Tập trung nâng cao chất lượng dân số, bình đẳng giữa con gái và con trai, ngăn ngừa lựa chọn giới tính thai nhi, bạo lực giới, chăm sóc SKSS, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh, người cao tuổi, bình đẳng giới và vai trò của nam giới trong chăm sóc SKSS.

Tập trung truyền thông với nhóm vị thành niên và thanh niên, truyền thông tập trung vào sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, chăm sóc dinh dưỡng, chế độ tập luyện và vệ sinh cá nhân, phòng chống HIV/AIDS; mất cân bằng giới tính khi sinh; tư vấn và chăm sóc người cao tuổi.

Chú trọng công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe sinh sản, dân số và phát triển cho lực lượng lao động trẻ.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới y tế - dân số tổ dân phố và tuyên truyền viên của các ngành... nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về DS, SKSS/KHHGD.

2.4. Mở rộng các dịch vụ tư vấn với nội dung, hình thức phong phú

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục về dân số, SKSS, sức khỏe tình dục, dân số và phát triển, giới và giáo dục giới tính, bổ sung thêm kiến thức và kỹ năng sống liên quan đến giới tính, tình dục an toàn, bình đẳng giới vào nội dung giảng dạy phù hợp với các cấp học: trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Tăng cường truyền thông thông qua các hình thức giáo dục kết hợp với giải trí, tham vấn, tự học và sinh hoạt ngoại khoá, huy động sự tham gia tự nguyện của vị thành niên và thanh niên. Các hình thức giáo dục phải phù hợp với lứa tuổi, các phạm trù đạo đức, thuần phong mỹ tục, văn hóa Việt Nam.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, các tổ chức xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động về giáo dục dân số, SKSS, phòng ngừa HIV/AIDS, bình đẳng giới cho nhóm VTN/TN trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là nhóm lao động di cư trẻ, lao động tự do thông qua các phương pháp tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2.5. Cung cấp sản phẩm, tài liệu truyền thông

Cung cấp các sản phẩm truyền thông đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với phong tục tập quán, văn hoá, tôn giáo địa phương (pa nô, áp phích, tờ rơi, tờ gấp, sách nhỏ, đĩa CD, VCD,...) phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, pháp luật về dân số, đề đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thay thế. Làm tốt công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện quy định của pháp luật về dân số và phát triển, nhất là các hoạt động dẫn đến mất cân bằng giới tính khi sinh.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác dân số và phát triển. Tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về DS, SKSS/KHHGD, đặc biệt là kiểm tra, xử lý các tổ chức và cá nhân vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

Đảm bảo chất lượng thu thập thông tin, số liệu chuyên ngành trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng các nghiên cứu dự báo về dân số phục vụ yêu cầu xây dựng quy hoạch, kế hoạch của các cơ quan, đơn vị.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

4.1. Dịch vụ dân số

Duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật. Bổ sung, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị hành chính, y tế; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho các cán bộ cung cấp dịch vụ dân số và chăm sóc SKSS. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ.

Nâng cao chất lượng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt việc cung cấp các phương tiện tránh thai. Mở rộng dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân.

Đối với người cao tuổi tiếp tục triển khai "Đề án chăm sóc sức khỏe NCT dựa vào cộng đồng", phát triển mô hình "Xã thân thiện với NCT". Xây dựng và nhân rộng mô hình câu lạc bộ "Liên thế hệ tự giúp nhau", tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

4.2. Nâng cao chất lượng dân số

4.2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Lồng ghép các nội dung truyền thông về mất cân bằng giới tính khi sinh vào các hoạt động văn hóa xã hội. Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông phong phú, đa dạng có nội dung về bình đẳng giới trong đời sống gia đình và xã hội, không phân biệt con gái con trai, không lựa chọn giới tính thai nhi.

Đưa nội dung về mất cân bằng giới tính khi sinh vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa của trường trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tổ chức các điểm tuyên truyền, góc sinh hoạt, câu lạc bộ về giới và bình đẳng giới.

Tổ chức cho các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi và tham gia tuyên truyền về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

4.2.2. Nâng cao chất lượng dân số thông qua hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

Tập huấn kiến thức, kỹ năng tuyên truyền tư vấn quản lý cho các nhóm đối tượng, tổ chức hội nghị nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung cho phụ nữ mang thai, phụ nữ có nguy cơ cao.

4.2.3. Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân

Mở rộng địa bàn thực hiện mô hình "Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân". Nâng cao nhận thức, kỹ năng tư vấn cho vị thành niên/thanh niên

(VTN/TN) về chăm sóc SKSS/KHHGD, cung cấp, nâng cao hiệu quả và tăng cường sự tiếp cận dịch vụ SKSS cho VTN/TN nhằm cải thiện bền vững chất lượng dân số.

Tổ chức tuyên truyền, vận động và giáo dục về SKSS/KHHGD với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; Xây dựng, sản xuất và phân phối các tài liệu truyền thông về SKSS VTN/TN; tư vấn sức khỏe cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn... Tuyên truyền, vận động thông qua các kênh truyền thông thích hợp tại các điểm triển khai. Tổ chức các hội nghị chuyên đề về chăm sóc SKSS VTN/TN.

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục về dân số - phát triển, SKSS, sức khỏe tình dục, giới và giáo dục giới tính, kiến thức và kỹ năng sống, bình đẳng giới trong các trường học.

4.2.4. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Đẩy mạnh tuyên truyền Luật Người cao tuổi (NCT) và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với NCT để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, gia đình, cộng đồng xã hội và bản thân NCT trong các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò NCT.

Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng tư vấn và chăm sóc sức khỏe NCT. Tăng tỷ lệ NCT được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng. Triển khai thành lập các điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT tại các tuyến.

Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp giữa cộng đồng, nhà trường và gia đình nhằm tuyên truyền giáo dục truyền thống "kính lão trọng thọ", biết ơn và giúp đỡ NCT, chăm sóc NCT cô đơn không nơi nương tựa.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ mức đầu tư từ ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số đến năm 2030. Đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới. Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho công tác dân số nhằm nâng cao chất lượng dân số.

Phát triển thị trường bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại theo hướng đa dạng hóa các gói bảo hiểm, với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau bảo đảm các nhóm dân số đặc thù được bình

đăng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, đồng thời với quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ công tác viên dân số và trẻ em.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ.

IV. KINH PHÍ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn hợp pháp khác (nếu có), căn cứ khả năng cân đối ngân sách hằng năm để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

2. Thời gian thực hiện: 05 năm từ 2026 đến 2030.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá-Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn xã.

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch Hành động giai đoạn 2026 - 2030 xã Xuân Lương thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số và phát triển để sớm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.

- Phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước các nội dung liên quan tới công tác dân số.

- Lồng ghép tuyên truyền các nội dung về chính sách dân số và phát triển trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, trong công tác gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.”. Hướng dẫn các thôn, bản đưa nội dung về chính sách dân số và phát triển vào hương ước của các thôn, bản.

- Lồng ghép nội dung dân số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

- Đề xuất chế độ, chính sách khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số và phát triển.

- Triển khai các giải pháp phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, gắn với đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Văn phòng HĐND&UBND

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường quản lý,

kiểm tra công tác đăng ký hộ tịch, khai sinh, khai tử; đảm bảo thống nhất dữ liệu dân cư, dân số.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, quyền trẻ em, bình đẳng giới; lồng ghép nội dung này trong các chương trình phổ biến pháp luật của xã.

- Thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân số, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tế.

3. Phòng Kinh tế

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; tham mưu sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện đúng quy định.

- Lồng ghép mục tiêu dân số vào các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách dân số tại vùng nông thôn, miền núi.

- Tham mưu chính sách sắp xếp, ổn định dân cư hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

4. Công an xã

- Tiếp tục hoàn thiện, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư, đảm bảo thống nhất, bảo mật và chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý dân số, an sinh xã hội.

- Phối hợp với các ban, ngành liên quan trong việc cung cấp, xác thực dữ liệu dân số, dân cư; hỗ trợ công tác dự báo, thống kê, nghiên cứu dân số của xã.

- Tăng cường quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, kiểm soát di cư tự do, người lao động ngoại tỉnh; đảm bảo ổn định an ninh trật tự, góp phần phân bố dân cư hợp lý.

5. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và phát triển trên địa bàn xã.

6. Các Trường học trên địa bàn xã

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

7. Trạm Y tế Xuân Lương

- Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số và phát triển để sớm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm với chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp tình hình thực tế để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong kế hoạch.

8. Đề nghị Ban Xây dựng đảng

Chỉ đạo, định hướng, tuyên truyền về các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác dân số trên địa bàn xã. Nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, nhất là tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình thực hiện công tác dân số và phát triển trên địa bàn xã; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vụ, việc nổi cộm, nhân dân quan tâm.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Triển khai đến các Ban công tác Mặt trận, các Chi hội, Chi Đoàn tuyên truyền đến các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, kết quả triển khai thực hiện chiến lược dân số Việt Nam trên địa bàn xã đến năm 2030.

10. Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch.

11. Các thôn, bản

- Tuyên truyền, vận động toàn thể nhân dân tại địa phương về công tác dân số.

- Triển khai chiến dịch truyền thông, chăm sóc SKSS, tư vấn tiền hôn nhân tại thôn, bản.

- Theo dõi biến động dân số (sinh, tử, kết hôn, ly hôn, di cư...) tại địa phương, kịp thời báo cáo UBND xã (Viên chức dân số-Trạm Y tế xã).

- Đưa nội dung thực hiện chính sách dân số vào hương ước, quy ước bản.

- Biểu dương, nhân rộng các gia đình thực hiện tốt chính sách dân số; nhắc nhở phê bình các trường hợp vi phạm theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Hành động giai đoạn 2026 - 2030 xã Xuân Lương thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, căn cứ Kế hoạch các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy, UBND xã;
- Trạm Y tế Xuân Lương;
- Các trường học trên địa bàn;
- Trưởng thôn, bản trên địa bàn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Nga